

Phụ lục II

Danh sách xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Tên xã, phường	Xã		Xã thuộc khu vực I, II, III	Số thôn dân tộc thiểu số và miền núi	
		Dân tộc thiểu số	Miền núi		Tổng số thôn	Số thôn đặc biệt khó khăn
I	TỔNG CỘNG	44	11	46	538	41
1	Thôn, ấp vùng dân tộc thiểu số và miền núi nằm ngoài xã khu vực I, II, III				69	0
2	Xã khu vực I	32	5	34	322	4
3	Xã khu vực II	9	4	9	121	24
4	Xã khu vực III	3	2	3	26	13
II	CHI TIẾT	44	11	46	469	41
1	Xã Cẩm Mỹ	X		I	13	
2	Xã La Ngà	X		I	5	
3	Phường Hàng Gòn		X	I	6	
4	Xã Phước Sơn	X	X	I	26	
5	Xã Bom Bo	X	X	I	16	
6	Xã Phú Lâm	X		I	11	
7	Xã Tân Lợi	X		I	12	
8	Xã Bàu Hàm	X		I	13	
9	Xã Dầu Giây	X		I	5	
10	Xã Xuân Lộc	X		I	2	
11	Xã Sông Ray	X		I	7	
12	Phường Long Khánh	X		I	5	
13	Xã Trảng Bom	X		I	5	
14	Xã Phú Hòa	X		I	6	
15	Xã Tân Phú	X		I	7	
16	Xã Minh Đức	X		I	10	

17	Xã Bù Đăng	X	X	I	22	
18	Phường Bình Long	X		I	7	
19	Phường Phước Long		X	I	13	
20	Xã Định Quán	X		I	9	
21	Xã Long Hà	X		I	6	
22	Xã Thuận Lợi	X		I	6	
23	Xã Tân Quan	X		I	17	
24	Xã Xuân Phú	X		I	6	
25	Xã Xuân Hòa	X		I	3	
26	Xã Xuân Đông	X		I	9	
27	Xã Lộc Thành	X		I	8	1
28	Xã Nha Bích	X		I	8	
29	Xã Lộc Hưng	X		I	8	
30	Xã Tân Hưng	X		I	14	
31	Xã Đak Lua	X		I	2	
32	Xã Đồng Tâm	X		I	15	
33	Xã Thanh Sơn	X		I	5	3
34	Xã Phú Vinh	X		I	15	
35	Xã Thọ Sơn	X	X	II	18	3
36	Xã Nghĩa Trung	X	X	II	22	
37	Xã Tân Tiến	X		II	15	4
38	Xã Hưng Phước	X		II	8	
39	Xã Phú Trung	X		II	5	
40	Xã Lộc Quang	X		II	12	4
41	Xã Đa Kia	X		II	5	5
42	Xã Phú Nghĩa	X	X	II	23	4
43	Xã Đak Nhau	X	X	II	13	4
44	Xã Lộc Thạnh	X		III	6	2
45	Xã Bù Gia Mập	X	X	III	8	4
46	Xã Đăk Ô	X	X	III	12	7